TAND HUYỆN ST **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 03/05/2019
V/v về tranh chấp nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ST, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phước.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Đinh Huy Đôi.
2.Bà Cao Thị Kim Én.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tống Thanh Hòa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi *tham gia phiên tòa*: Ông Đồng Việt Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST- HNGĐ ngày 04/01/2019 về tranh chấp nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX - ST ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1993.

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn B, sinh năm 1991.

Đều trú tại: Thôn MH, xã SB, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi và công tác tại: Xã SB, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: NHCSXH;

Địa chỉ: 169 Phố LĐ, P. HL, Q. HM, Tp Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - TGĐ;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh T1 - GĐ Phòng giao dịch NHCSXH huyện ST. Theo văn bản ủy quyền số 4716/QĐ -NHCS ngày 25/11/2016 của TGĐ NHCSXH. Ông Trần Minh T1 ủy quyền lại cho ông Phạm Minh C, cán bộ tín dụng tham gia tố tụng, theo văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 3 năm 2019, có mặt

tại phiên tòa.

4. Người phiên dịch: Ông Đinh Văn P, sinh năm 1995; địa chỉ: Thị trấn Di L, huyện SH, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày: Chị và anh B tìm hiểu với nhau trên cơ sở tự nguyện. Sau thời gian tìm hiểu, chị và anh B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, không đăng ký kết hôn và trong thời gian chung sống đến nay vẫn không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chị và anh B chung sống với nhau hạnh phúc. Năm 2017 thì chị và anh B phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B không lo làm ăn, chăm sóc gia đình, thường xuyên ăn nhậu về nhà lại tìm cớ để gây gỗ, nói năng xúc phạm, đánh đập vợ con và ghen tuông vô cớ với chị, dẫn đến chị với anh B luôn cải vã lẫn nhau, bất đồng về quan điểm sống, chính quyền địa phương đã khuyên giải nhưng không thành, chị với anh B không còn chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Chị H xét thấy tình cảm giữa chị với anh B mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn thương yêu nhau nữa nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện ST giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh B.

Về con chung: Chị với anh B có một con chung là cháu Đinh Anh T, sinh ngày 05/02/2013, hiện nay cháu đang ở với chị. Khi Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị với anh B, chị có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu anh Đinh Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 400.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Đinh Anh T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị H và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ vay chung: Chị và anh B có vay tại Phòng giao dịch NHCSXH huyện ST số tiền là 50.000.000 đồng vào năm 2018. Chị với anh B và Phòng giao dịch NHCSXH huyện ST đã tự thỏa thuận giải quyết xong, không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại các bản khai ngày 07/01/2019 và ngày 12/3/2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Đinh Văn B trình bày: Về quan hệ như vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ vay chung và việc mâu thuẫn giữa anh với chị H, anh đồng ý như lời chị Hôm đã trình bày và đồng ý các yêu cầu của chị H đã yêu cầu để Tòa giải quyết.

Tại các lời khai và quá trình giải quyết vụ án Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh C trình bày: Vào ngày 30/3/2018, chị Đinh Thị H với anh Đinh Văn B thống nhất để chị H đứng tên vay vốn chương trình hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm tại NHCSXH thông qua Phòng giao dịch huyện ST (gọi tắt

là Ngân hàng), số tiền vay là 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất là 3.3%/năm. Hạn trả nợ cuối là 30/3/2023.

Ngày 06/12/2018, Chị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị với anh Bn, trong đơn khởi kiện về vấn đề nợ vay chung giữa nguyên đơn và bị đơn có thống nhất để họ tự thỏa thuận giải quyết. Anh C có ý kiến độc lập đối với nguyên đơn và bị đơn: Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện ST buộc chị H và anh B phải có thỏa thuận, phân chia nghĩa vụ trả nợ cụ thể khi khoản vay này đến hạn.

Ngày 21/3/2019, Tòa án tiến hành hòa giải về yêu cầu trên, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận chia tách nghĩa vụ trả nợ cho NHCSXH, cụ thể: mỗi người chịu trách nhiệm trả ½ của khoản nợ vay 50.000.000 đồng (50.000.000đ/2 = 25.000.000đ) cho NHCSXH, NHCSXH đồng ý sự thỏa thuận này của nguyên đơn, bị đơn và tại phiên tòa người đại diện NHCSXH rút yêu cầu độc lập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án đảm bảo đúng theo quy định của BLTTDS.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị H đối với bị đơn anh Đinh Văn B.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị H đối với anh Đinh Văn B.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đã yêu cầu: Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về nợ vay chung: Tại phiên tòa người đại diện của NHCSXH, rút yêu cầu độc lập, đề nghị HĐXX chấp nhận và đình chỉ việc yêu cầu này của họ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự: Chị Đinh Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi giải quyết việc hôn nhân của chị và anh B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, được hai bên gia đình công nhận, anh B chị H đã có thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và đến nay cũng không khắc phục được. Chị H, anh B có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn theo văn bản xác minh ngày 22/01/2019 và ngày 11/3/2019. Nay chị H xác định mâu thuẫn giữa chị với anh B đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị H và anh Bđều thống nhất không có quan hệ vợ chồng. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh B là vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của chị Hôm là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Hiện nay cháu Đinh Anh T, sinh ngày 05/02/2013 đang ở với chị Đinh Thị H. Tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa anh Đinh Văn B thống nhất với chị Hgiao con chung là cháu Đinh Anh T cho chị Đinh Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T đến khi trưởng thành. Xét việc thỏa thuận giữa chị H với anh B là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của phát luật, cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Giao cháu Đinh Anh T sinh ngày 05/02/2013 cho chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Anh Đinh Văn B không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hyêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 400.000 đồng/tháng đến khi cháu T đủ 18 tuổi, anh B đồng ý yêu cầu này của chị H. HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của chị H với anh B.

[5] Về tài sản chung: Anh Đinh Văn B và chị Đinh Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ vay chung: Tại phiên tòa Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người đại diện NHCSXH rút toàn bộ yêu cầu độc lập, anh B và chị H đều thống nhất. HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu độc lập.

[7] Về án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn và có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú nên miễn toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm cho Anh Đinh Văn B và chị Đinh Thị H theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng tại Khoản 7 Điều 28; khoản 1 Điều 35, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng khoản 1 Điều 14, các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị H với bị đơn anh Đinh Văn B.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị H với anh Đinh Văn B.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Hôm với anh Buôn: Là giao cháu Đinh Anh T sinh ngày 05/02/2013 cho Chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Đinh Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 400.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Anh Đinh Văn B không trực tiếp nuôi con chung được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, thay đổi mức cấp dưỡng thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về nợ vay chung: Tại phiên tòa Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là NHCSXH rút toàn bộ yêu cầu độc lập, anh B và chị H đều thống nhất, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu độc lập.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đinh Thị H, anh Đinh Văn B được miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí HNGĐ theo biên lai số AA/2016/0004954, ngày 04/01/2019 cho chị Đinh Thị H.

5. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đinh Văn B được miễn toàn bộ.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện ST;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã SB;
- Chi cục THADS huyện ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Phước